| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM THÀNH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v : Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Nguyễn Thị Ngọc Bích
*Các hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Đào Xuân Tìm
2. Bà Nguyễn Thị Quy

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXX-ST ngày 04/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐHPT-TA ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị S**, sinh năm 1969
ĐKHKTT: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Hiện ở: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.
*Bị đơn*: Anh **Bùi Đức H**, sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

( *Chị S và anh H đều vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị S trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 03/01/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng

quan điểm sống, hai bên thường xuyên xảy ra việc cãi cọ, lời qua tiếng lại nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Từ năm 2003, mâu thuẫn sảy ra trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà tại thôn Hợp Nhất, xã Lai Vu sinh sống, còn anh H vẫn sống tại thôn M, hai bên đã ly thân kể từ đó cho đến nay cắt đứt hoàn toàn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Theo biên bản lấy lời khai của các con chung của chị S và anh H và biên bản xác minh tại địa phương cũng xác định: Trong quá trình chung sống cùng nhau chị S và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, hai bên không còn quan tâm hay nói chuyện với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến năm 2003, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị S đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã L sống, hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay, không còn chung sống cùng nhau nữa.

- *Về quan hệ con chung*: Chị S xác định vợ chồng có 03 con chung là Bùi Thị Thúy H, sinh năm 1988, Bùi Thị P, sinh năm 1992, Bùi Đức Duy A, sinh ngày 05/10/2001. Nay các con chung đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh H vắng mặt trong các buổi làm việc nên không có quan điểm gì.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh H vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án nên không có quan điểm.

Tại phiên tòa: Chị S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và tài sản chung vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S, Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn anh Bùi Đức H. Về con chung: Không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Về án phí: Chị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Anh Bùi Đức H được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Bùi Đức H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị S thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, xảy ra cãi nhau. Anh H vắng mặt trong các buổi làm việc không có quan điểm cụ thể về việc chị S xin ly hôn anh, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh, anh biết việc chị S ly hôn nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc. Anh H vắng mặt là do anh cố tình không đến, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, từ đó cho thấy anh H không có ý thức hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị S, có ý thức bỏ mặc để vợ chồng rơi vào hoàn cảnh ly hôn. Căn cứ vào lời khai của các con chung và biên bản xác minh tại UBND xã đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H đã xảy ra trong thời gian dài (từ năm 2003 đến nay), vợ chồng sống xa cách nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn anh Bùi Đức H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Do các con chung đã trưởng thành tự lập nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết. Anh H vắng mặt, sau này nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị S có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản  Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị S, cho ly hôn giữa chị Bùi Thị S và anh Bùi Đức H.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung của chị S, anh H đã trưởng thành tự lập nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001450 ngày 24 tháng 5 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị S, anh H. Báo cho chị S, anh H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã L, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**